

## LUẬN KHỞI TÍN SỚ

### QUYỂN HẠ

#### **Chi III. GIẢI THÍCH TƯỚNG SINH DIỆT:**

(Trong môn sinh diệt ở trên)

Từ câu: Lại nữa... trở xuống...

Có hai:

Tiết I. Nói về tướng thô, tế của sinh diệt

Tiết II. Hiển bày nghĩa sinh diệt thô tế

#### ***Tiết I. Nói về tướng thô tế:***

Có hai:

1. Nói về ngay thô tế.

2. Đối người phân biệt

#### ***1. Nói về thô tế:***

Có hai:

1. Nêu chung .

2. Giải thích riêng

#### ***2. Giải thích riêng:***

Một là thô vì tương ứng với tâm, nghĩa là trong sáu thứ nhiễm, ba nhiễm trước tương ứng với tâm, tướng thô kia hiển. Trong Kinh nói “gọi là tướng sinh diệt”

Hai là tế không tương ứng với tâm ba tâm nhiễm sau là bất tương ứng, không có tướng tâm, tâm pháp thô hiển. Thế kia nhỏ nhiễm, trôi lăn mãi không dứt. Trong kinh nói: “Gọi là nối tiếp sinh diệt.”

Kinh mười quyển nói: Thức có hai thứ diệt. Những gì là hai? Một là tướng diệt, hai là tương tục diệt. Sinh trụ cũng như thế.

Kinh bốn quyển nói: Các thức có hai loại sinh, và trụ diệt, nghĩa là lưu chú sinh và tướng sinh, diệt cũng như thế.

Trong Kinh nêu thẳng hai thứ danh tự, không hiển tướng riêng. Nên nay luận chủ theo nghĩa tương ứng và bất tương ứng để nói về hai tướng thô và tế.

**2. Đối với người phân biệt:**

Thô trong thô, nghĩa là hai loại đầu trong ba loại trước.

Tế trong thô, tức một loại sau trong ba loại này. Vì hai loại đầu đều ở tại ý thức. Hành tướng là thô, nên thuộc về chỗ biết của phàm phu. Một loại sau là thức thứ bảy, hành tướng chẳng thô, phàm phu chẳng thể biết. Hai loại đầu trong ba loại sau, năng hiện, năng thấy. Năng sở khác nhau, nên là chỗ biết của Bồ-tát. Một loại sau chưa phân với năng sở, nên chỉ có Phật mới rõ được.

**Tiết II. Hiện nghĩa sinh diệt:**

Có hai:

1. Nói về duyên sinh
2. Hiện bày nghĩa diệt

**1. Nói về duyên sinh:**

Có hai:

1. Nói về duyên chung
2. Nói về nhân riêng

**1. Nói về duyên chung:**

Hai thức thô, đều nương vô minh trụ địa mà khởi, nên nói hai thức sinh diệt nương vô minh huân tập mà có.

**2. Hiện bày nhân riêng:**

Nương vào nhân vô minh, tâm bất tương ưng sinh. Nương cảnh giới duyên, tâm tương ưng được khởi. Nên nói nương nhân là nghĩa bất giác, nương duyên là nghĩa cảnh giới vọng tạo, nếu nói đủ nghĩa đều có hai nhân.

Như kinh bốn quyển nói: Đại Tuệ! Bất tư nghì huân và Bất tư nghì biến là nhân quả hiện thức, giữ các thứ trần và vọng tưởng vô thỉ huân là nhân của thức phân biệt sự.

**Giải rằng:** Bất tư nghì huân nghĩa là vô minh huân chân như. Chỗ không thể huân mà huân, nên gọi là bất tư nghì huân.

Bất tư nghì biến nghĩa là chân như được vô minh huân, không thể biến khác, mà biến khác, nên gọi là bất tư nghì biến.

Huân và biến này rất nhỏ nhiệm lại ẩn kín, nên hành tướng hiện thức khởi ra vi tế, trong đây cũng có chuyển thức, nghiệp thức, nhưng nêu cả thô và tế, nên chỉ gọi là hiện thức.

Giữ các thứ trần: Là các thứ cảnh giới, do hiện thức chấp giữ, hay động biến, tâm dấy sóng bảy thức.

Vô thỉ vọng tưởng huân tức hiện thức kia gọi là vọng tưởng. Từ

xưa đến nay chưa từng lìa tướng, nên gọi vô thủ vọng tướng. Như văn trên nói: “Vì từ xưa đến nay không hề lìa niệm, nên gọi là vô thủ vô minh. Vọng tướng trong đây nên biết cũng như vậy.

Kinh mười quyển nói: “Thức A-lại-da biết gọi là thức tướng, chỗ có tướng thể, như trong hư không có sợi lông xoay chuyển là cảnh giới do trí bất tịnh mà thành.” Do lý này, nên thuộc về vọng tướng.

Các thứ trần kia và vọng tướng này, huân vào biển tâm tự tướng, khiến khởi sóng mồi bảy thức. Vọng tướng và trần, thô mà lại hiển, nên khởi ra thức phân biệt sự, hành tướng thô hiển thành tâm tương ứng.

Muốn nói về nhân của hiện thức bất tư nghi huân nên được sinh. Nương bất tư nghi biến nên được trụ. Thức Phân biệt sự duyên các thứ trần nên được sinh, nương vọng tướng huân nên được trụ.

Nay trong luận này, chỉ lấy sinh duyên, nên trong tế chỉ có vô minh huân, trong thô chỉ nêu cảnh giới duyên.

### **2. *Hiển bày nghĩa diệt:***

Từ câu: Nếu nhân diệt... trở xuống.

Có hai:

1. Nói thẳng
2. Lăn lượt dứt nghi

Từ câu: Hỏi rằng... trở xuống

#### **1. *Nói thẳng:***

Nếu nhân diệt thì duyên diệt là tùy ở giai vị nào lúc được đối trị thì nhân của vô minh diệt, cảnh giới diệt theo. Nhân diệt nên tâm bất tương xứng diệt, nghĩa là ba thứ tâm bất tương ứng nương vào nhân vô minh mà sinh, nên khi vô minh diệt cũng diệt theo “Duyên diệt nên tâm tương ứng diệt. Ba thứ tâm nhiễm tương ứng, nương vào cảnh giới duyên khởi, nên khi cảnh giới diệt, cũng diệt theo. Nương nghĩa là đạo lý khởi và chấm dứt từ đầu đến cuối, để nói về hai thứ nghĩa sinh diệt, chẳng phải theo nghĩa sát na sinh diệt.

#### **2. *Lăn lượt dứt nghi.***

Có hai: - Hỏi - Đáp

- Hỏi:

Nếu tâm diệt làm sao nối tiếp? Đối với thuyết ngoại đạo, mà đặt ra câu hỏi này.

Như kinh mười quyển nói: “Nếu thức A-lại-da diệt, thì không khác với hý luận đoạn kiến của ngoại đạo. Các ngoại đạo nói, lìa các cảnh giới, thức nối tiếp diệt. Thức nối tiếp diệt rồi, thì các thức diệt. Đại Tuệ! Nếu thức nối tiếp diệt, thì đời vô thủ đến nay, lẽ ra phải diệt các thức.”

Ý này chính là nói các thuyết ngoại đạo, như sinh lên cõi trời Vô tướng, khi nhập định Vô tướng, lìa các cảnh giới, thức nối tiếp diệt. Gốc diệt, ngọn cũng diệt theo.

Như Lai phá rằng: Nếu chúng sinh kia, khi nhập Vô tướng, thức nối tiếp gốc của chúng sinh diệt, chủng tử của thức thứ sáu, thứ bảy diệt theo. Không nên từ kia lại khởi các thức, mà từ đó lại khởi ra các thức. Nên biết khi nhập vào Vô tướng, thức nối tiếp không diệt, phá bỏ như thế.

Nay trong luận này nương theo đây mà hỏi:

Nếu lúc nhập định vô tướng, định diệt tận, thì tâm thể diệt, làm sao trở lại nối tiếp? Nên nói: “Nếu tâm diệt làm sao nối tiếp” Nếu lúc đó nhập, thì tâm thể không diệt, trở lại nối nhau. Tướng nối nhau này do đâu diệt hẳn, nên nói vì sao nói rốt ráo diệt.

- Đáp:

Có ba: 1. Pháp - 2. Dụ - 3. Hợp.

**1. Pháp:** Cái gọi là nói diệt, như khi nhập Vô tướng... Nói các thức diệt, là chỉ cho diệt tướng thức thô, chẳng phải diệt tâm thể A-lại-da, nên nói chỉ tướng tâm diệt.

Lại nữa, trên nói nhân diệt, nên tâm bất tương ưng diệt, chỉ nói nghiệp tướng... trong tâm diệt chẳng phải cho rằng tâm thể tự tướng diệt.

**2. Dụ:** Hiển bày riêng hai nghĩa diệt này: Như gió nương theo nước mà có tướng động, là dụ gió vô minh nương theo tâm mà động. Nếu nước diệt thì gió dứt, không có chỗ nương. Vì nước không diệt nên tướng gió nối nhau, là dụ khi nhập Vô tướng... tâm thể không diệt, nên các thức nối tiếp, là đáp câu hỏi đầu.

Chỉ vì gió diệt nên tướng động diệt theo là khi đến Phật Địa, vô minh diệt hẳn. Nên động của nghiệp tướng... cũng diệt theo, mà tự tướng tâm thể không diệt. Nên nói chẳng phải nước diệt là đáp câu hỏi sau nói về cứu cánh diệt.

**3. Hợp:** Thứ lớp hợp với hai nghĩa trước “chẳng phải tâm trí diệt” là tánh của thân giải gọi là tâm trí. Như văn trên nói “Tánh trí không hoại” là nói về nghĩa tự tướng không diệt. Văn còn lại rất dễ biết.

Hỏi: Tự tướng của thức này hoàn toàn là từ duyên nhiễm khởi ra hay cũng có nghĩa không theo duyên? Nếu hoàn toàn từ duyên nhiễm khởi, thì khi pháp nhiễm hết, tự tướng đáng lẽ phải diệt? Như tự tướng kia, không theo duyên nhiễm, nên không diệt, thì tự nhiên có. Lại nếu như tự tướng cũng diệt thì đồng với đoạn kiến, cho nên tự tướng không

diệt lại đồng với thường kiến.

Đáp: Hoặc có người nói: Tâm thể già da là pháp dị thực. Chỉ vì hoặc nghiệp sinh, nên khi hoặc nghiệp dứt, bản thức đều dứt. Nhưng ở quả Phật cũng có hai hạnh phước và tuệ làm lầm. Trí Đại viên cảnh tương ứng với tịnh thức, mà nghĩa tâm ở hai nơi đều đồng. Do nghĩa này nên nói, Tâm đến quả Phật. Có người nói: Tự tướng tâm thể là chỗ khởi của vô minh kia, khiến động tĩnh này khởi, chẳng phải là nói không khiến có. Cho nên động của tâm này, nhân vô minh mà khởi, gọi là nghiệp tướng. Tâm động này vốn tự, là tâm, cũng là tự tướng. Nghĩa môn tự tướng không do vô minh, nhưng nay nơi tâm do vô minh làm động này, cũng có nghĩa tự loại sinh ra lẫn nhau, nên không có lỗi tự nhiên, mà có nghĩa bất diệt. Khi vô minh hết tướng động diệt theo. Tâm theo thì giác trở về gốc.

Có người nói: Chỗ nói của hai sư, đều có đạo lý, đều nói theo Thánh điển. Lời nói của sư trước theo ý Du-già. Nghĩa của sư sau theo ý Khởi Tín. Mà cũng không thể như lời chấp nghĩa là chuyện dĩ nhiên. Nếu như thuyết trước mà chấp nghĩa, tức là chấp ngã pháp. Nếu như thuyết sau mà chấp nghĩa là kiến chấp nhân ngã.

Lại nếu chấp nghĩa trước thì rơi vào chấp đoạn, chấp nghĩa sau thì rơi vào chấp thường. Nên biết hai nghĩa đều không thể nói. Tuy không thể nói mà cũng có thể nói, vì tuy chẳng phải như vậy mà chẳng phải không như vậy.

Từ câu: Lại nữa, có bốn thứ pháp huân tập nghĩa... trở xuống, là giải thích rộng trong môn sinh diệt, ở đây có hai phần:

### **Tiểu phần II. Do lời mà giải thích:**

(Trong phần B2. Môn sinh diệt)

Từ đây trở xuống, như văn trên nói Thức này có hai loại nghĩa, năng nhiếp tất cả pháp, sinh ra tất cả pháp, nhưng nghĩa nhiếp đã nói rộng ở trước rồi. Nghĩa năng sinh vẫn chưa rõ ràng, cho nên từ đây trở xuống hiển bày rộng nghĩa này.

Trong văn có năm:

Chi 1- Nêu số tiêu biểu chung

Chi 2- Nêu số kể tên

Chi 3- Nói chung nghĩa huân tập

Chi 4- Nói riêng tướng huân tập

Chi 5- Nói về nghĩa tận bất tận.

**Chi 2- Nêu số kể tên:**

Y theo văn sẽ thấy

**Chi 3- Nói chung về nghĩa huân tập:**

Có hai: Dụ - Hợp.

**Hợp:** Chân như tịnh pháp là nghĩa bản giác. Pháp nhiễm vô minh là nghĩa bất giác. Bởi một thức gồm hai nghĩa này, lại huân xông lẫn nhau, sinh nhiễm tịnh khắp. Ý này chính là giải thích kinh đã nói nghĩa bất tư nghì huân và bất tư nghì biến.

**Hỏi:** Luận Nhiếp Đại Thừa nói: Phải đủ bốn nghĩa, mới thọ huân được, nên nói pháp thường không thể thọ huân, vì sao trong đây nói huân tập chân như ?

**Giải rằng:** Nghĩa huân tập có hai thứ. Luận kia lại theo bất khả tư nghì huân, nên nói pháp thường không thể thọ huân. Luận này nói bất khả tư nghì huân, nên nói vô minh huân chân như, chân như huân vô minh. Hiểu ý khác nhau nên chẳng trái nhau.

Nay trong văn này, đối với môn sinh diệt tánh tịnh bản giác gọi là chân như, nên có nghĩa huân. Chẳng phải nghĩa chân như trong môn chân như. Vì trong môn chân như không có nghĩa năng sinh.

**Chi 4- Hiện bày riêng tướng huân tập:**

Từ câu: Thế nào... trở xuống.

Có hai:

Tiết 1- Nhiễm

Tiết 2- Tịnh.

**Tiết 1. Nhiễm huân:**

Có hai: Hỏi - Đáp

Đáp:

Có hai:

1. Nói lược

2. Hiện bày rộng.

**1. Nói tóm lược.**

Nướng pháp chân như có vô minh là hiện bày thể của năng huân sở huân.

Vì có vô minh huân tập chân như, nghĩa là căn bản vô minh huân tập, vì huân tập nên có vọng tâm, là nướng vô minh huân nên có tâm nghiệp thức. Do đó, vọng tâm lại huân vô minh, tăng thêm chỗ không rõ, nên thành chuyển thức và hiện thức... Nên nói Bất giác niệm khởi hiện cảnh giới vọng. Vì cảnh giới này huân lại hiện thức, nên nói Huân tập vọng tâm khiến niệm mê đắm là thức thứ bảy khởi. Tạo các thứ nghiệp là ý thức khởi, chịu tất cả khổ là y theo nghiệp thọ quả.

**2. Hiển bày rộng:**

Trước nói rộng về ba nghĩa sau nói theo đó

Trước nói về cảnh giới: Làm cho niệm thêm lớn mạnh là do sức cảnh giới làm tăng trưởng niệm phân biệt pháp chấp trong sự thức. Tăng trưởng thủ là tăng trưởng bốn thủ phiền não chướng. Nghiệp thức căn bản huân tập trong vọng tâm huân tập là vì nghiệp thức này huân tập vô minh, mê lầm vô tướng, làm sinh khởi chuyển tướng, hiện tướng, tương tục tướng. Lúc hàng ba thừa ra khỏi ba cõi, tuy lìa khổ thô phần đoạn của sự thức vẫn thọ biến dị Già-da hành khổ. Nên nói: Chịu khổ sinh diệt của ba thừa.

Nói chung, từ vô thủ đến nay chỉ vì lược hai loại huân tập thô tế, nên tùy theo lúc đã lìa khổ thô mà nói thêm lớn phân biệt sự thức huân tập là tại vị phàm phu nói khổ phần đoạn, huân tập căn bản trong vô minh huân tập là căn bản bất giác, sinh khởi kiến ái huân tập là ý thức kiến ái do vô minh khởi, tức là nghĩa ngọn bất giác.

**Tiết II. Tịnh huân:**

Từ câu: Thế nào... trở xuống.

Có hai: - Hỏi - Đáp

Đáp:

Có hai:

1. Giải thích tóm tắt.

2. Hiển bày rộng

**1. Giải thích tóm tắt:**

Nói về chân như huân tập, vọng tâm huân tập. Trong đây có năm:

Từ do vọng tâm này cho đến tự tri tánh của mình là nói về lòng tin ở giai vị Thập Tín.

Từ Biết tâm vọng động không có cảnh giới ở trước mà tu pháp xa lìa là hiển bày sự tu trong giai vị Tam Hiền.

Vì biết đúng như thật, không có cảnh giới ở trước là nói về Sơ địa kiến đạo.

Từ câu: Các thứ... trở xuống cho đến năng lực huân tập lâu xa là nói sự tu muôn hạnh ở giai vị tu đạo của Thập Địa.

Từ câu: Vô minh liền diệt trở xuống là nói về quả địa chứng Niết-bàn.

**2. Hiển bày rộng:**

1. Nói về vọng tâm huân tập.

2. Nói về chân như huân tập.

**1. Nói về vọng tâm huân tập:**

Trong đây thức phân biệt sự, nói chung, bảy thức đều gọi là thức phân biệt sự. Nói theo mạnh, thì chỉ giữ ý thức, vì dụng phân biệt mạnh, duyên cả các sự.

Nay trong văn này nói theo mạnh. Thức này không biết các trần là duy thức, nên chấp ngoài tâm thật có cảnh giới. Phạm phu Nhị thừa tuy có thú hưởng, mà vẫn chấp có sinh tử đáng nhàm chán, Niết-bàn đáng ưa thích. Không khác với chấp của thức phân biệt sự. Nên gọi thức phân biệt sự huân tập. Ý huân tập cũng gọi là nghiệp thức huân tập.

Nói chung, năm loại thức đều gọi là ý, như nghĩa trên nói. Nói theo bản thì chỉ chấp nghiệp thức, vì rất sâu kín, tạo các thức gốc, nên ở trong đây, nghiệp thức gọi là ý.

Như thế, tướng và kiến của nghiệp thức chưa phân, nhưng các Bồ-tát biết tâm vọng động chẳng khác cảnh giới. Hiểu tất cả pháp chỉ là lượng của thức. Xả chấp bên ngoài ở trước, thuận theo nghĩa nghiệp thức. Nên gọi là nghiệp thức huân tập, cũng gọi là ý huân tập. Chẳng phải là nghiệp thức do vô minh khởi, tức là có khả năng phát tâm tu các hạnh.

**2. Nói về chân như huân tập:**

Có ba:

1. Đưa ra số để nêu chung
2. Nương số kể tên
3. Nói về tướng

**3. Nói về tướng:**

Có hai:

1. Nói riêng.
2. Giải thích hợp lại.

**1. Nói riêng:**

1. Nói tự thể huân tập.
2. Dụng huân tập.

**1. Nói tự thể huân tập:**

Có hai: Nói thẳng - Đẹp nghi:

**Nói thẳng:** Nói Đây đủ pháp vô lậu, có đủ nghiệp không thể nghĩ bàn là ở tại môn bản giác bất không. Tạo tánh của cảnh giới là theo môn như thật không mà nói về cảnh. Nương vào năng lực cảnh trí có sẵn này ngầm huân vào vọng tâm, khiến khởi tâm ưa chán...

**Đẹp nghi:** Từ câu: Hỏi rằng... trở xuống là lần lượt dứt nghi, ý hỏi rất dễ hiểu.



Trong lời đáp có hai:

- Ban đầu y cứ theo phiền não dày mỏng để nói không bình đẳng.
- Sau nêu lên gặp duyên khác nhau để nói về không bình đẳng.

Trước nói Phiền não ở trên còn hơn cát sông Hằng là mê các pháp môn, đối với sự không biết. Đây là thuộc sở tri chướng, phiền não ngã kiến ái nhiễm thuộc về phiền não chướng. Ý đáp rất dễ hiểu.

Từ câu: Chư Phật... trở xuống là nói về duyên khác nhau. Có Pháp, Dự, Hợp, y theo văn rất dễ thấy.

### **2. Dụng huân tập:**

Có ba: - Nêu chung, kể tên, nói về tướng.

**Kể tên:** Duyên sai biệt là thức phân biệt sự mà phàm phu, Nhị thừa huân tập mà tạo duyên Năng tác duyên là Thập Tín trở lên, cho đến Chư Phật đều được tạo duyên. Duyên Bình đẳng là các Bồ-tát do nghiệp thức huân tập mà tạo duyên. Năng duyên là từ Sơ Địa trở lên cho đến chư Phật, phải nương sức trí đồng thể mới tạo được duyên bình đẳng.

**Nói về tướng:** Nói về duyên sai biệt.

Có hai: - Nói chung, giải thích riêng

#### **Giải thích riêng:**

Có hai: - Khai hai duyên gần xa - Khai hai duyên hạnh giải

Thêm lớn hành duyên là hay khởi các hạnh thí giới... duyên thọ đạo là khởi văn, tư, tu mà vào đạo

Trong duyên bình đẳng: Có hai: Nói về duyên năng tác.

Giải thích nghĩa bình đẳng.

Từ câu: sở vị... trở xuống...

Nương Tam-muội bình đẳng kiến là các Bồ-tát từ Thập Giải trở lên... thấy báo thân Phật vô lượng tướng tốt, đều không có bờ mé, lìa tướng phần hạn, nên nói bình đẳng thấy chư Phật. Nếu ở chỗ tán tâm, không thể được thấy tướng tốt, như thế lìa tướng phần hạn. Do đó nên nói nương vào Tam-muội.

Từ trên đến đây nói riêng về thể dụng huân tập đã xong.

### **2. Giải thích thể dụng hợp lại:**

Từ đây trở xuống, có hai: - Nêu chung và giải thích riêng:

#### **Giải thích riêng:**

- Nói trong chưa tương ứng: Ý, ý thức huân tập là phàm phu, Nhị thừa gọi là ý thức huân tập, tức là thức phân biệt sự huân tập. Bồ-tát sơ phát ý... là từ Thập Giải trở lên gọi là ý huân tập tức là nghiệp thức huân tập như trước đã nói: Chưa được tâm vô phân biệt, tương ứng với thể là

thể chưa được tương ứng với Pháp thân chư Phật. Chưa được nghiệp tự tại tương ứng với dụng là dụng chưa được tương ứng với hai thân ứng hóa.

- Nói về đã tương ứng: Bồ-tát Pháp thân là Bồ-tát Thập Địa. Được tâm vô phân biệt là tương ứng với thể tương ứng với trí dụng của chư Phật là từ Bát địa trở lên không dụng công.

Phần nói về hai thứ huân tập đã xong.

**Chi 5- Nói về hai thứ nghĩa tận và bất tận:**

Từ câu: Từ đây... trở xuống

Muốn nói về nhiệm huân trái với lý mà khởi, nên có diệt tận. Pháp tịnh huân thuận lý mà sinh, tương ứng với lý nên không diệt tận. Y theo văn sẽ biết.

Trong phần giải thích hiển bày chánh nghĩa, phần ĐẠI có hai:

Tiểu đoạn I. Giải thích môn pháp chương đã xong.

Tiểu đoạn II. Giải thích môn nghĩa chương.

Từ đây trở xuống.

Trong phần lập nghĩa trên, lập hai thứ nghĩa, gồm nghĩa Đại và nghĩa Thừa.

Nay trong văn này giải thích nghĩa Đại, và hiển bày nghĩa Thừa.

Có hai:

1. Giải thích chung về Thể đại, Tướng đại.

2. Giải thích riêng nghĩa Dụng đại.

**1. Giải thích chung Thể đại, Tướng đại:**

Nói Tự thể tướng là lập lại nghĩa Thể đại, Tướng đại.

Nói Tất cả phạm phu cho đến Chư Phật không có thêm bớt, rốt ráo thường trụ là giải thích Thể đại.

Trong phần lập nghĩa trên nói:

Giải thích nghĩa Thể đại, nghĩa là tất cả pháp chân như bình đẳng không thêm bớt.

Từ câu: Xưa đến nay tánh tự đầy đủ... trở xuống.

Giải thích nghĩa Tướng đại: Nghĩa là Như Lai tạng đầy đủ tánh công đức vô lượng.

Trong văn có hai:

- Nói thẳng về tánh công đức tướng.

- Lần lượt hiển lại lý do.

Ý hỏi rất dễ biết.

Đáp có hai: - Đáp chung - Hiển bày riêng.

**Hiển bày riêng:**

Nói về nghĩa không hai sai biệt.

Hiển bày nghĩa sai biệt của không hai.

Có hai: - Lược nêu và Giải thích rộng.

**Lược nêu:** Nói: Do nương nghiệp thức, mà tướng sinh diệt hiện bày là trong tướng sinh diệt có các lỗi lầm, chỉ nêu gốc, nên gọi là nghiệp thức. Đối với các lỗi này, nói các công đức. Từ câu: Ở đây làm sao hiển bày... trở xuống là riêng đối với các lỗi để hiển bày nghĩa đức, y theo văn sẽ biết.

**2. Giải thích riêng nghĩa dụng đại:**

Từ câu: Lại nữa dụng chân như... trở xuống.

Có hai:

1. Nói chung.
2. Giải thích riêng.

**1. Nói chung.**

Có hai:

1. Đối quả nêu nhân.
2. Lập nhân bày quả.

**1. Đối quả nêu nhân:**

Có ba: - Hạnh - Nguyện - Nói về phương tiện.

Từ câu: Chư Phật vốn ở tại nhân địa cho đến nhiếp hóa chúng sinh là nêu bốn hạnh.

Từ câu: Lập thế nguyện rộng lớn cho đến tận đời vị lai là nêu bốn nguyện.

Từ câu: Vì chấp chúng sinh cho đến chân như bình đẳng là nêu TRÍ BI đại phương tiện.

**2. Lập nhân bày quả:**

Từ câu: Dĩ hữu... trở xuống.

Có ba:

- Lập lại nhân. Từ câu: Do có trí phương tiện rộng lớn như thế.
- Quả tự lợi. Từ câu: Dứt hết vô minh, thấy pháp thân gốc.
- Hiển tướng dụng. Từ câu: Tự nhiên... trở xuống.

Trong đây có ba câu.

- Nói về dụng sâu xa. Từ câu: Các thứ dụng không thể nghĩ bàn nghiệp.

- Hiển bày dụng rộng lớn. Từ câu: Sẽ cùng chân như ở khắp tất cả chỗ.

- Nói về dụng vô tướng theo duyên dụng, từ câu: Lại cũng... trở xuống.

Như Nhiếp Luận chép: Thí như trống trời ma-ni không suy nghĩ

mà vẫn thành tựu việc của mình, chính là nghĩa này.

Nói chung về dụng xong.

**2. Giải thích riêng:**

Từ câu: Dụng này... trở xuống.

Có ba:

1. Nêu chung.
2. Giải thích riêng.
3. Lần lượt dứt nghi.

**2. Giải thích riêng:**

Có hai:

1. Hiện bày thẳng về dụng riêng.
2. Lập lại phân biệt.

**1. Hiện bày thẳng về dụng riêng:**

Có hai:

1. Nói về ứng thân.
2. Hiện bày báo thân.

**1. Nói về ứng thân:**

Từ câu: Nương vào thức phân biệt sự là phàm phu Nhị thừa chưa biết duy thức, chấp có ngoại trần, tức là nghĩa thức phân biệt sự. Nay thấy thân Phật, cũng chấp nghĩa ngoài tâm thuận ý thức. Nên nói Nương thức phân biệt sự thấy. Người này không biết nương từ chuyển thức, hay hiện sắc tướng, nên nói: Không biết chuyển thức hiện, nên thấy từ ngoài đến. Nhưng chỗ thấy kia, có sắc phần hạn, tức không bờ mé, là tướng phần hạn. Người kia chỉ chấp nghĩa có phần hạn, chưa hiểu phần hạn thì không có hữu biên. Nên nói “chấp sắc phần hạn, không thể biết hết được”.

**2. Trong báo thân:**

Nói nương vào nghiệp thức là các Bồ-tát từ Thập Giải trở lên, hiểu về duy tâm. Không có nghĩa ngoại trần, nghĩa thuận nghiệp thức để thấy thân Phật. Nên nói nương vào nghiệp thức mà thấy. Nhưng Bồ-tát này biết phần hạn tức không phần hạn. Nên nói, tùy chỗ thị hiện tức không có hữu biên cho đến không hủy không mất. Đây là việc không chướng ngại, không thể nghĩ bàn, đều do chỗ huân sâu xa của sáu độ, và cùng chỗ thành tựu của chân như không thể nghĩ huân. Nương theo nghĩa này nên gọi là báo thân. Cho nên nói: Cho đến đầy đủ vô lượng tướng vui mà nói là báo.

Nhưng hai thân này, kinh luận đều nói khác nhau.

Kinh Đồng Tánh nói: “Cõi uế thành Phật, gọi là hóa thân, cõi tịnh

thành đạo, gọi là báo thân”.

Kinh Kim Cổ nói: “Ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp... đều gọi là ứng thân. Tùy thân hiện trong sáu đường, gọi là hóa thân”.

Nhiếp luận nói: “Chỗ thấy của Địa tiền gọi là biến hóa thân, chỗ thấy của Địa thượng, gọi là thọ dụng thân”.

Nay trong luận này, chỗ thấy tướng sáu đường khác nhau của phàm phu, Nhị thừa gọi là ứng thân. Chỗ thấy lìa sắc của Bồ-tát Thập Giải trở lên gọi là báo thân. Vì như thế mà có khác nhau. Pháp môn vô lượng, chẳng phải chỉ một đường, nên tùy chỗ lập bày, đều có đạo lý. Nên trong nhiếp luận vì nói chỗ thấy có tướng phân hạn của tán tâm ở trước, nên thuộc về hóa thân.

Nay trong luận này, nói chỗ thấy lìa tướng phân hạn trong Tam-muội của Bồ-tát, nên thuộc về Báo thân. Do đạo lý này nên không trái nhau.

## **2. Lặp lại phân biệt:**

Từ câu: Chỗ thấy của phàm phu...trở xuống

- Nói về Ứng thân, y theo văn sẽ hiểu.

- Hiện bày tướng báo thân.

Từ câu: Lại nữa trở xuống.

Trong đây có hai.

1. Nói về chỗ thấy của Địa tiền

2. Hiện bày chỗ thấy của địa thượng

### **1. Nói về chỗ thấy của Địa tiền:**

Nói Do tin sâu pháp chân như nên có chút tướng mà thấy. Như trong Thập Giải, y môn nhân không, thấy lý chân như là tướng tự giải, nên gọi là chút phần.

### **2. Hiện bày chỗ thấy của Địa thượng:**

Từ câu: Nếu được tâm tịnh... trở xuống.

Nếu lìa nghiệp thức thì không tướng thấy phải nương vào nghiệp thức, mới có tướng chuyển và hiện tướng, nên lìa nghiệp thức, thì không có tướng thấy.

### **3. Lân lượt dứt nghi:**

Từ câu: Hỏi rằng... trở xuống là, y theo văn sẽ thấy.

Trong Chương III Giải thích ở Mục I Hiện bày chánh nghĩa có hai.

Đoạn một giải thích chánh đã xong.

### **Đoạn hai. Khai thị môn theo thuyên chỉ:**

Từ câu: Lại nữa... trở xuống:

Có ba:

1. Nêu chung.
2. Giải thích riêng.
3. Tổng kết.

**1. Nêu chung:**

Suy tìm năm ấm, sắc và tâm . Nghĩa là sắc ấm gọi là sắc, còn bốn ấm gọi là tâm.

**2. Giải thích riêng:**

Giải thích sắc quán, chia sẻ sắc cho đến cực vi, hoàn toàn không được gì, lìa ngoài, tâm không có tướng để niệm (nhớ). Nên nói: Sáu trần rất ráo vô niệm, chẳng phải ngoài tâm không có sắc trần khác. Nơi tâm cầu sắc cũng không thật có, nên nói Tâm không hình tướng, mười phương tìm cầu không bao giờ được.

- Từ câu: Như người... trở xuống là quán tâm pháp: - Trước dụ - sau hợp.

Hợp nói Tâm thật bất động là tìm cầu niệm động lúc đã diệt chưa sinh. Ở giữa không có chỗ trụ, vì không chỗ trụ, nên không có khởi. Nên biết tâm tánh thật bất động.

**3. Tổng kết:**

Từ câu: Nếu hay... trở xuống là Tổng kết liền được tùy thuận là phương tiện quán. Vào cửa chân như là chánh quán.

**Mục II. ĐỐI TRỊ TÀ CHẤP:**

Có bốn:

1. Nêu chung.
2. Nương số nêu tên.
3. Nương tên nói về tướng.
4. Hiện bày chung rất ráo lìa chấp.

**2. Nương số nêu tên:**

Nói nhân ngã kiến là chấp có tướng chung chủ thể, gọi là chấp nhân ngã. Pháp ngã kiến là chấp tất cả pháp đều có thể tánh, nên gọi là pháp chấp. Pháp chấp tức là chỗ sinh khởi của nhị thừa. Trong đây nhân chấp chỉ chấp chỗ khởi của người Đại thừa mới học trong Phật pháp.

**3. Nói tướng:**

1. Nói về nhân ngã kiến.
2. Nói về chấp ngã và pháp.

**1. Nói về nhân ngã kiến:**

Có hai: - Nêu chung, giải thích riêng:

- **Giải thích riêng:** Hiện bày riêng năm thứ, mỗi thứ có ba câu:

- Lý do khởi ra kiến chấp .
- Nói về tướng chấp.
- Hiện bày đối trị.

Liên cho hư không là tánh Như Lai là chấp tánh Như Lai đồng tướng hư không.

Cho đến pháp Niết-bàn chân như, cũng rất ráo không. Như kinh Đại Phẩm chép: “Cho đến Niết-bàn như mộng như huyễn. Nếu có một pháp hơn cả Niết-bàn, ta cũng nói như huyễn mộng.

Nhân sinh diệt nghĩa nhiễm hiển bày như văn trên nói: Do nường nghiệp thức mà tướng sinh diệt hiện, cho đến nói rộng.

Chẳng lia chẳng đoạn, như không thêm không bớt trong số nói rộng.

Nếu nói ngoài ba cõi lại có chúng sinh mới khởi, tức là kinh ngoại đạo nói” như kinh Nhân Vương đã nói.

Năm chấp trên đây, đều nường vào pháp thân Như Lai tàng... chủ của tướng chung mà khởi chấp, đều gọi là nhân chấp.

### **2. Chấp ngã và pháp:**

Có ba câu: - Nói về lý do khởi kiến.

- Hiện bày tướng chấp, từ câu: Thấy có... trở xuống,
- Hiện đối trị. Từ câu: Tại sao trở xuống... y theo văn sẽ biết.

### **4. Lìa chấp rất ráo:**

Từ câu: Lại nữa... trở xuống.

Có ba:

1. Nói về đạo lý các pháp ly ngôn.
2. Hiện ý giả thuyết ngôn giáo, y theo văn sẽ biết.
3. Phần phát thú.

### **3. Phần phát thú:**

Có hai:

1. Nêu chung Đại ý.
2. Khai riêng phân biệt.

#### **1. Nêu chung đại ý:**

Nói: Đạo của tất cả Chư Phật đã chứng là nêu đạo thú hướng về. Từ câu: Tất cả Bồ-tát... trở xuống là hiện bày hạnh năng thú. Muốn nói Bồ-tát phát tâm hướng về đạo mà Phật chứng. Nên nói phân biệt đạo tướng phát thú.

#### **2. Phân biệt khai riêng:**

Từ câu: Lược nói trở xuống.

Có ba:

1. Nêu số mở chương.
2. Nướng số nêu tên.
3. Nướng tên nói tướng.

**2. Nướng số nêu tên:**

Nói: Tín thành tựu phát tâm là giai vị ở Thập trụ, gồm cả Thập Tín, trong giai vị Thập tín tu tập tín tâm, thành tựu tín tâm, phát tâm quyết định, liền vào Thập trụ. Nên gọi là Tín thành tựu phát tâm.

Giải hạnh phát tâm là ở Thập hồi hương, gồm cả Thập hạnh. Trong vị Thập Hạnh, hiểu được pháp không, thuận theo pháp giới, tu hạnh sáu độ. Hạnh sáu độ thuần thực, mới phát tâm hồi hương, vào vị hồi hương, nên nói giải hạnh phát tâm.

Chứng phát tâm là ở giai vị Sơ địa trở lên, cho đến Thập Địa nương hai loại trước tương tự phát tâm. Chứng được pháp thân, phát khởi chân tâm.

**3. Nói về tướng:**

Có ba:

1. Tín thành tựu phát tâm.
2. Giải hạnh phát tâm.
3. Chứng phát tâm.

**1. Tín thành tựu phát tâm:**

Có ba:

1. Nói về hạnh Tín thành tựu.
2. Nói về tướng hạnh Thành tựu phát tâm.
3. Khen ngợi công đức do phát tâm mà được.

**1. Nói về hạnh của Tín thành tựu:**

Có hai: H1. Hỏi - H2. Đáp

**1. Hỏi:**

Nói nướng hạng người nào là hỏi người năng tu, tu hạnh nào là hạnh sở tu. Được tín thành tựu mới phát được tâm là đối quả phát tâm hỏi về hạnh thành tựu kia.

**2. Đáp:**

Có hai:

1. Chánh là đáp câu hỏi.
2. Nêu kém hiển hơn:

**1. Chánh đáp:**

Đối với ba câu hỏi trước. Ban đầu nói Y theo chúng sinh nhóm bất định là đáp câu hỏi đầu. Nói lên người năng tu, phân biệt ba nhóm, lại có nhiều môn.



Nay trong văn này, nói thẳng về Bồ-tát Thập Giải trở lên, chắc chắn không lui sụt, gọi là nhóm Chánh định, chưa vào Thập Tín, không tin nhân quả, gọi là nhóm tà định.

Giữa hai cái này, người thú hưởng đến đạo, phát tâm muốn cầu Vô thượng Bồ-đề, mà tâm chưa quyết định hoặc tiến hoặc lùi, đó là Thập Tín, gọi là nhóm bất định. Nay nơi hạng người này nói về chỗ tu hành.

Từ câu: Có huân tập trở xuống, kể là đáp câu hỏi thứ hai, nói về hạnh sở tu của người bất định. Nói có năng lực huân tập gốc lành, nương năng lực huân tập trong Như Lai tàng, lại nương năng lực gốc lành ở đời trước nên nay được tu hạnh tín tâm... Nói Tín nghiệp quả báo, sinh khởi mười điều lành là khởi phần phước thiện. Chán khổ sinh tử, cầu đạo vô thượng là phát đạo phần tâm Được gặp chư Phật tu hạnh tín tâm chính là nói về chỗ tu đạo phần gốc lành. Nghĩa là tu hành mười thứ tín tâm. Tướng này đầy đủ như chương “Nhất đạo” nói.

Trải qua một muôn kiếp... trở xuống là trả lời câu hỏi thứ ba, nói về tướng thành tựu tín tâm, trong đây có hai:

Nêu thời để nói về duyên của Tín thành tựu phát tâm

Y theo nhóm nói về địa vị phát tâm trụ.

Nói Đến một muôn kiếp, tín tâm đã thành tựu Nghĩa là ở Thập Tín, trải qua mười ngàn kiếp, tín tâm thành tựu, liền lên Thập trụ. Như Kinh bản nghiệp chép: “Bồ-tát tin tưởng ở mười ngàn kiếp thực hành pháp mười giới, sẽ lên Thập trụ tâm, vào vị sơ trụ”.

**Giải rằng:** Ở đây chỗ lên vị sơ trụ, nghĩa là địa vị sơ phát tâm trụ trong Thập Trụ, vị này mới được tín tâm bất thối. Cho nên cũng gọi là tin nhập Thập tâm, chẳng phải là Thập Tín ở trước Thập giải.

Do đâu biết được như thế?

Kinh Nhân Vương chép: “Tập chủng tánh có Thập tâm, đã vượt tất cả Thiện Địa của Nhị thừa. Bồ-tát thực hành mười điều lành từ tập nhân trở về trước có lùi có tiến. Giống như sợi lông nhẹ, theo gió bay Đông tây. Tuy do mười ngàn kiếp thực hành mười chánh đạo, phát tâm Bồ-đề, sẽ được lên vị tập nhân”. Do văn này làm chứng nên biết được.

Kinh nói mười ngàn, tức là một vạn.

Nói Phật Bồ-tát dạy cho phát tâm... là duyên phát tâm, mới có nhiều chúng. Nay lược nêu ra ba thứ duyên lành.

- Từ câu: Như thế... trở xuống, là nói vị phát tâm Sơ trụ: Nói Tín tâm thành tựu cho đến vào nhóm chánh định Tức vào Thập giải sơ phát tâm trụ. Nên nói Rốt ráo không lui sụt. Ngay lúc đó chính là ở chủng

tánh vị. Nên nói: - Gọi là trụ trong Như Lai chủng, chỗ tu hành thuận theo Phật tánh. Cho nên cũng nói là chánh nhân tương ứng.

Từ trên đến đây, chính là đáp ba câu hỏi ở trước.

### **2. Nêu kém bèn hơn:**

Từ câu: Nếu có trở xuống.

Trong giai vị Thập tín, có hơn có kém.

- Hơn: Như tiến lên Thập trụ ở trước.

- Kém: Như lui sụt lại vào Nhị thừa địa ở đây.

Như luận nhiếp Đại thừa nói: “Các Bồ-tát trụ trong giai vị Thập Tín. Tu Đại Thừa chưa vững chắc, phần nhiều chán sợ sinh tử, tâm thương xót chúng sinh vẫn còn mỏng, muốn bỏ bản nguyện Đại thừa, tu đạo Tiểu thừa, nên nói muốn tu hạnh Tiểu thừa.

Đại ý như thế, theo văn sẽ biết.

Từ trên đến đây, biện minh hạnh Tín thành tựu xong.

### **2. Hiện tướng phát tâm:**

Từ câu: Lại nữa... trở

xuống Có hai:

1. Nói thẳng.

2. Lăn lợt dứt nghi.

#### **1. Nói thẳng:**

Trực tâm là nghĩa không quanh co, nếu niệm chân như, thì tâm bình đẳng, lại không có lối rẽ khác, đâu có quanh co. Nên nói Chánh niệm pháp chân như tức là căn bản của hai hạnh.

Nói Thâm tâm là nghĩa tận nguồn, nếu một điều lành không đủ, thì không lý do trở về nguồn được thành tựu, sẽ đầy đủ muôn hạnh, cho nên nói Ưu nhóm tất cả các hạnh lành tức là gốc của hạnh tự lợi. Tâm đại Bi là nghĩa giúp khắp. Nên nói muốn cứu khổ chúng sinh tức là gốc của hạnh lợi tha. Phát ba tâm này, không điều ác nào mà chẳng lìa, không điều lành nào mà chẳng tu, không có một chúng sinh nào không độ, đây gọi là tâm Vô thượng Bồ-đề.

#### **2. Lăn lợt dứt nghi:**

Từ câu: Hỏi rằng trở xuống:

Ý hỏi rất dễ thấy.

Trong đáp có hai: - Đáp thẳng, hiển bày lại.

Đáp thẳng: Có dụ, có hợp. Từ câu: Lược nói trở xuống:

Hiện lại rất dễ biết.

#### **3. Hiện bày công đức phát tâm:**

Từ câu: Bồ-tát phát tâm này... trở xuống:

Có bốn:

1. Hiện bày thẳng đức.
2. Nói về lỗi sâu kín.
3. Chung với quyền giáo.
4. Khen ngợi thật hạnh.

**1. Hiện bày thẳng đức:**

Có hai câu:

Từ câu: Thì có thể thấy được pháp thân một phần ít, là nói về công đức tự lợi. Bồ-tát Thập giải, nương môn nhân không, thấy pháp giới là tương tự kiến, nên nói chút phần.

Từ câu: Tùy khả năng nguyện kia... trở xuống, hiện bày đức lợi tha. Hiện hiện tám loại lợi ích chúng sinh. Như kinh Hoa Nghiêm khen ngợi người mới phát tâm trụ trong Thập Trụ rằng: “Bồ-tát phát tâm này được một thân, vô lượng thân Như Lai, đều ở tất cả thế gian thị hiện thành Phật”.

**2. Nói về lỗi sâu kín:**

Từ câu: Nhiên thị... trở xuống

**3. Thông quyền giáo:**

Từ câu: Như Tu-đa-la... trở xuống

Như kinh Bản Nghiệp chép: “Thất trụ trở xuống là Thoái phần, nếu không gặp Thiện tri thức, từ một kiếp cho đến mười kiếp, thì thoái tâm Bồ-đề. Như Thiên tử, Vương tử Pháp Tài, Xá-lợi-phất... muốn vào trụ thứ bảy, vì khoảng đó gặp nhân duyên ác tri thức, rơi vào phàm phu trong ác bất thiện” Cho đến nói rộng.

Nay giải thích ý này chỉ là tạm nói, chẳng phải thật thoái lui.

**4. Khen ngợi hạnh thật:**

Từ câu: Lại Bồ-tát này... trở xuống.

Không hề yếu hèn, tức thành tựu quyền chẳng phải thật của kinh ấy.

**2. Giải hạnh phát tâm:**

Từ A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất sắp hết, nên hiểu sâu pháp chân như hiện tiền Vị thập hồi hương, được bình đẳng không, nên hiểu sâu chân như hiện tiền A-tăng-kỳ kiếp trước sắp hết của địa tiền là nêu phát tâm của bậc giải hạnh.

Kế nói: Vì biết pháp tánh không san tham. Nên thuận theo tu hành hạnh bố thí... là trong Vị Thập Hạnh được pháp không, thuận theo pháp giới tu hạnh sáu độ, là hiển chỗ phát tâm nương giải hạnh.

**3. Chứng phát tâm:**

Có hai:

1. Thông theo các địa, nói về chứng phát tâm.
2. Riêng thành tựu Thập Địa hiển thành mãn đức.

**1. Thông theo các địa nói về chứng phát tâm:**

Có bốn:

1. Nêu địa vị.
2. Nói về nghĩa chứng.
3. Khen ngợi công đức:  
Từ câu: Bồ-tát này... trở xuống...
4. Hiển bày tướng:  
Từ câu: Tướng phát tâm... trở xuống.

**2. Nói về nghĩa chứng:**

Nói: Do nương chuyển thức nói cảnh giới là tướng của chuyển thức, là dụng của năng kiến. Đối với năng kiến này nói, là cảnh giới. Do các địa này mà khởi chứng trí. Phải nương chuyển thức mà chứng chân như. Nên đối với sở y, tạm nói cảnh giới. Theo chứng trí thì không năng sở, nên nói: Chứng là không cảnh giới.

**4. Hiển tướng:**

Nói chân tâm nghĩa là trí vô phân biệt. Phương tiện tâm là trí Hậu đắc. Nghiệp thức tâm là hai trí nương thức A-lại-da. Nói theo thật thì cũng có chuyển thức và hiện thức, nay chỉ lược nêu tướng sâu kín căn bản.

Nhưng nghiệp thức này chẳng phải đức phát tâm, chỉ vì muốn hiển khi hai trí khởi, có bệnh khởi diệt sâu kín này, không đồng với đức thuần tịnh Phật địa. Do đó nói chung là tướng phát tâm.

**2. Hiển bày riêng công đức thành mãn:**

Từ câu: Công đức thành mãn... trở xuống.

Có hai:

1. Hiển bày thẳng thẳng đức.
2. Lần lượt dứt nghi.

**1. Hiển bày thẳng đức tốt:**

Nói Công đức thành tựu viên mãn, nghĩa là nhân hạnh của địa thứ mười được thành tựu viên mãn. Cõi Sắc cứu cánh, thị hiện thân cao lớn cho đến Gọi là Nhất thiết chủng trí là nếu y theo Thập Vương quả báo biệt môn, thì Bồ-tát Thập Địa là Thiên Vương thứ tư, thành đạo tại cõi trời Sắc cứu cánh, ắt là báo Phật thân tha thọ dụng.

Như trong kinh Thập Địa, phẩm Nhiếp Quả báo nói: “Bồ-tát Cửu địa làm vua Đại Phạm làm chủ hai ngàn thế giới. Bồ-tát Thập Địa làm

vua trời Ma-hê-thủ-la, chủ tam thiên thế giới. Kinh Lăng già nói: “Thí như thức A-lại-da, chóng phân biệt tự tâm, hiện thân khí thế giới... Báo thân Phật Như Lai cũng lại như thế. Một thời thành tựu các cõi chúng sinh. Ở cõi trời Cửu cánh, nơi cung điện Tịnh diệu tu hành thanh tịnh”.

Lại bài tụng sau nói: Cõi Dục và Vô sắc, Phật không thành ở đó. Trong tầng trời cõi Sắc, lìa dục mà đắc đạo.

Kinh Phạm Võng nói: “Bấy giờ, Phật Thích-ca Mâu-ni, tại điện trời Ma-hê-thủ-la, cõi trời Tứ thiên cùng vô lượng Đại Phạm Thiên vương, cùng chúng Bồ-tát không thể tính kể. Nói pháp môn tâm địa do Phật Tỳ-lô-xá-na đã ở thế giới Liên Hoa Tạng đã nói.

Bấy giờ thân Phật Thích-ca phóng ánh sáng trí tuệ từ cung Thiên Vương này cho đến thế giới Liên Hoa Đài Tạng. Lúc ấy Phật Thích-ca Mâu-ni liền đem đại chúng ở thế giới này đến cung điện có trăm muôn ức ánh sáng vàng tía trong thế giới Liên hoa đài tạng. Phật Lô-xá-na ngồi trên tòa ánh sáng rực rỡ, có trăm muôn hoa sen. Bấy giờ Phật Thích-ca Mâu-ni và các đại chúng đồng thời kính lễ Phật Lô-xá-na. Phật Lô-xá-na rất vui mừng nói: Nay các Phật tử! Hãy lắng nghe! Khéo suy nghĩ tu hành. Ta đã trải qua trăm muôn a-tăng-kỳ kiếp tu hành tâm địa làm nhân. Lúc mới xả bỏ phàm phu thành Đẳng chánh giác, làm Phật Lô-xá-na, trụ ở hiền thế giới Liên Hoa Tạng. Đài sen kia trùm khắp có ngàn cánh, mỗi cánh là một thế giới, làm thành ngàn thế giới. Ta hóa ra ngàn Thích-ca, lại thành thế giới ngàn cánh. Lại có trăm ức thiên hạ, trăm ức Bồ-tát Thích-ca, ngồi dưới trăm ức cây Bồ-đề. Như thế các Đức Phật ngồi trên ngàn cánh là hóa thân của ta, ngàn trăm ức Thích-ca là ngàn hóa thân Thích-ca. Ta là nguồn cội, gọi là Lô-xá-na.

Kệ rằng:

*Nay ta Lô-xá-na.*

*Vừa ngồi đài hoa sen.*

Cho đến nói rộng, các loại này, y theo giải thích sẽ hiểu.

## **2. Lân lượt dứt nghi:**

Từ câu: Hỏi rằng...trở xuống

Xét kỹ câu hỏi đáp, liền dứt hai nghi.

1. Dứt nghi thứ nhất.

2. Dứt nghi thứ hai.

### **1. Trừ nghi thứ nhất:**

- Trong phần đáp có ba:

1. Lập đạo lý.

2. Nêu lỗi sai.

### 3. *Hiển bày phải.*

#### 1. *Lập đạo lý:*

Nói Tất cả cảnh giới xưa nay vốn là một tâm, lìa niệm tưởng, là lập lý đạo. Nghĩa là tất cả cảnh giới, tuy chẳng phải hữu biên, cũng chẳng phải vô biên, vì chỉ ra khỏi một tâm, chẳng phải vô biên, nên có thể rõ biết được, mà chẳng phải hữu biên, chẳng phải cảnh tư lương. Do đó nói lìa tưởng niệm.

#### 2. *Nêu lỗi sai:*

Nói Vì chúng sinh vọng thấy cảnh giới nên tâm có phần hạn..., là nói, vì có chỗ thấy nên có chỗ không thấy.

#### 3. *Hiển bày phải:*

Nói lìa kiến tưởng không chỗ nào chẳng khắp là nói về không chỗ thấy, nên không chỗ nào chẳng thấy.

Nói vì tâm chân thật tức là tánh các pháp, là trong tâm Phật lìa tưởng. Thể là gốc của nhất tâm, vì lìa vọng tưởng, nên gọi là tâm chân thật. Vì thể nhất tâm là tánh các pháp, cho nên tâm Phật là thể các pháp vọng. Tất cả pháp vọng đều là tướng của tâm Phật. Tướng hiện ở tự thể, tự thể chiếu tướng. Như thế rõ biết, có gì là khó. Nên nói Tự thể hiển chiếu tất cả pháp vọng, đó là lý do vì không có thấy nên không chỗ nào chẳng thấy.

#### 2. *Dứt nghi thứ hai:*

Trong phần đáp nói nếu gương có bụi thì hình sắc không hiện, cũng như thế, nếu tâm chúng sinh có cấu thì pháp thân không hiện. Pháp thân như bản chất, hóa thân như hình tượng.

Nay y cứ bản chất của năng hiện, nên nói Pháp thân không hiện, như trong “Hiển hiện sâu xa” của Nhiếp Đại thừa nói: Vì mất, nên tôn quý không hiện, như tướng mặt trăng ở bình bể.

**Giải thích:** Chư Phật ở thế gian không hiển hiện, mà thế gian nói thân Chư Phật thường trụ, tại sao không hiển hiện. Ví như nước trong bình bể không giữ được, nên nước không còn. Ở trong bình bể thật có mặt trăng mà không hiển hiện được, cũng như thế các chúng sinh, không có xa-ma-tha, tánh mê mông.

Văn của hai luận này, đồng với nghĩa nói Phật hiện và bất hiện. Nhưng chỗ thí dụ có chút khác nhau. Nay trong luận này dùng gương làm dụ, có bụi dơ nên không hiện, là nói theo căn cơ, căn cơ thấy Phật thuần thực, nói vô cấu. Có chướng chừa thuần thực gọi là có cấu, chẳng phải là phiền não hiện hành, mà gọi có bụi bặm nên không thấy. Như

Tỳ-kheo Thiện Tinh và Điều-đạt... Trong tâm thiền nào có thể thấy Phật. Trong nhiếp Đại thừa, bình bễ làm dụ nói có Xa-ma-tham mới được thấy Phật là nói quá khứ tu tập Tam-muội Niệm Phật nối nhau, đời này mới thấy được thân Phật. Chẳng phải là đời này cần tu tâm định mới thấy được Phật, vì tâm tán loạn cũng thấy Phật. Như trong kinh Di-lặc Sở Vấn nói: Lại kinh nói các thiền là chỗ hành. Cho nên Đắc thiền, gọi là khéo hành các hạnh.

Trong luận này không cần phải thiền mới bắt đầu phát tâm, vì sao? Vì khi Phật tại thế, vô lượng chúng sinh đều cũng phát tâm, không hẳn phải có thiền.

#### **CHƯƠNG IV. TU HÀNH TÍN TÂM**

Có ba:

1. Nêu người để lược bày đại ý.
2. Y theo pháp nói rộng về hành tướng.
3. Chỉ dạy phương tiện không lui sụt.

##### **1. Nêu người lược bày đại ý:**

Nói vì nương chúng sinh chưa nhập Chánh định, nên nói tu hành tín tâm là phát thú đạo tướng đã nói ở trên. Chúng sinh nương nhóm bất định. Nay trong đây nói chưa nhập chánh định, nên biết cũng là người nhóm bất định. Nhưng trong nhóm bất định, có kém hơn. Hơn là tiến lên, kém là có thể lùi. Vì người thắng kia mà nói phát thú. Nghĩa là tín thành tựu phát tâm cho đến chứng phát tâm... vì muốn người hơn lần lược tiến tới.

Vì kém nên nói tín tu. Nghĩa là bốn thứ tín tâm, năm cửa hạnh. Vì người kém kia tin không lui sụt. Nếu người thấp kém này tu tín thành tựu, là nương theo ba loại phát tâm trong phần phát thú để tiến tới. Cho nên chỗ vì của hai phần có khác, mà đạo lý sở thú chẳng khác.

##### **2. Y theo pháp nói rộng về hành tướng:**

Từ câu: Những gì... trở xuống:

Ban đầu đưa ra hai câu hỏi, sau là hai đáp.

1. Đáp tín.
2. Đáp tu hành.

##### **1. Đáp tín:**

Nói: Tín căn bản là pháp chân như, chỗ quy hướng của Chư Phật, gốc của các hạnh. Nên nói là căn bản, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

##### **2. Đáp tu hành:**

Có ba:

1. Đưa số nêu chung.
2. Nương số khai môn.
3. Nương môn giải riêng.

**1. Đưa số nêu chung:**

Nói: Thành tựu được tin này là có tín mà không hành, tức niềm tin không thuần thực, tin không thuần thực, thì gặp duyên liền lui sụt, nên tu năm hạnh để thành tựu bốn tín.

**2. Nương số khai môn:**

Chỉ quán môn, là trong sáu độ, định tuệ cùng tu, nên hợp hai loại này thành môn chỉ quán.

**3. Nương môn giải thích riêng:**

Có hai phần giải thích:

1. Nói tóm tắt bốn loại trước.
2. Môn chỉ quán, một loại sau.

**1. Nói tóm tắt bốn loại trước:**

Có hai:

1. Nói riêng bốn loại tu hành.
2. Bày cho người tu hành phương tiện trừ chướng.

Từ câu: Lại nữa nếu người... trở xuống

**2. Bày cho người tu hành phương tiện dứt chướng:**

- Dạy chướng ngại phải dứt trừ.
- Dạy phương pháp năng trừ.

Trong phương pháp nói Lễ bái chư Phật. Đây là biện minh chung phương tiện dứt trừ các chướng. Như người mắc nợ dựa vào vua, thì người chủ nợ không làm gì được. Người tu hành lễ bái chư Phật, chư Phật sẽ được ra khỏi các chướng.

Từ câu: Sám hối... trở xuống, trừ riêng bốn chướng, bốn chướng gồm?

Các chướng nghiệp ác, nên sám hối dứt trừ. Phỉ báng chánh pháp, nên khuyến thỉnh dứt trừ.

Ghen ghét người khác hơn mình, nên tùy hỷ đối trị.

Ưu đãi ba cõi, nên hồi hướng đối trị.

Do bốn chướng này, làm cho người tu hành không phát các hạnh, không đến Bồ-đề, nên tìm bốn hạnh đối trị như thế. Nghĩa này đầy đủ như luận Du-già nói.

Lại bốn loại pháp sám hối... này chẳng phải trừ ngay được các chướng, cũng là công đức vô lượng. Nên nói ra khỏi các chướng, thêm lớn gốc lành. Nghĩa này nói rộng như kinh Kim Cổ.



## 2. Môn Chỉ Quán:

Có hai:

1. Nói sơ lược
2. Nói rộng.

### 1. Nói sơ lược:

Nói Nghĩa là dùng tất cả tướng cảnh giới. Trước do phân biệt tạo ra các ngoại trần. Nay dùng giác tuệ phá tướng ngoại trần. Tướng trần đã dùng thì không còn phân biệt, nên gọi là chỉ.

Kể nói phân biệt tướng sinh diệt là nương môn sinh diệt. Quán sát pháp tướng, nên nói là phân biệt. Như luận Du-già, Bồ-tát Địa nói: “Bồ-tát trong đây, tức đối với các pháp không có phân biệt, nên biết gọi là Chỉ”.

Nếu đối với các pháp hướng về nghĩa lý cao siêu, và hướng về lý an lập vô lượng là Diệu trí thế tục. Nên biết gọi là QUÁN. Biết nương môn chân như. Dùng các tướng cảnh, nên không chỗ phân biệt, liền thành trí vô phân biệt là theo môn sinh diệt. Phân biệt các tướng, quán các lý thú, liền thành trí hậu đắc.

Thuận theo nghĩa quán Xa-ma-tha, thuận theo nghĩa quán Tỳ-bát-xá-na. Phạm nói Xa-ma-tha, Hán dịch là Chỉ. Tỳ-bát-xá-na Hán dịch là Quán. Nhưng nay giải thích luận này vì phân biệt phương tiện và chánh quán, nên ở chánh quán, vẫn còn lời kia. Nếu còn đầy đủ lời này, đáng lẽ nói thuận theo nghĩa chỉ quán và thuận theo nghĩa quán quán. Khi muốn hiển chỉ quán song vận tức chánh quán nên nói chỉ quán và quán quán. Khi ở phương tiện, dùng các tướng trần là dùng chỉ của năng thuận chánh quán, nên nói thuận theo chỉ quán. Lại có thể phân biệt tướng nhân duyên, là quán của năng thuận chánh quán. Nên nói thuận theo quán quán. Từ câu: Thế nào là thuận theo... trở xuống, chính là giải thích nghĩa này. Dần dần tu tập là nói năng thuận theo. Hiện tại trước là hiển bày chánh quán thuận theo. Trong đây lược nói nghĩa Chỉ quán:

- Nói theo tướng thì định gọi là chỉ, tuệ gọi là quán.
- Nói theo thật thì định chung cho chỉ quán, tuệ cũng như thế.

Như Địa Thanh văn trong luận Du-già nói: “Lại nữa, tâm nhất cảnh tánh như thế, hoặc là phẩm Xa-ma-tha, hoặc là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Nếu ở tâm một cảnh tánh trong chín loại tâm trụ, thì gọi là phẩm Xa-ma-tha. Nếu đối với tâm một cảnh tánh trong bốn thứ tuệ hạnh thì gọi là phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào gọi là chín thứ tâm trụ? Nghĩa là có vị Tỳ-kheo, khiến tâm Nội trụ, Đẳng trụ, An trụ, Cận trụ, Điều thuận, Tịch tĩnh, Tối cực

tịch tĩnh, Chuyên trụ nhất thú và Đẳng trì, đó gọi là chín thứ tâm trụ.

1- Thế nào là Nội trụ? Nghĩa là từ tất cả cảnh giới được duyên bên ngoài, thu nhiếp vào nội tâm, buộc vào bên trong, ngoài không tán loạn. Nên gọi là Nội trụ.

2- Thế nào là Đẳng trụ? Nghĩa là tâm bị trói buộc đầu tiên, tánh nó thô động, chưa thể làm cho bình đẳng trụ khắp. Kế đó ở cảnh giới bị duyên, liền dùng phương tiện nối nhau, phương tiện làm lóng trong, hàng phục khiến nhỏ nhiệm, nhiếp khắp khiến trụ, nên gọi Đẳng trụ.

3- Thế nào là An trụ? Nghĩa là nếu tâm này tuy Nội trụ, Đẳng trụ như thế. Như do thất niệm, đối với tán loạn bên ngoài lại nhiếp nghỉ trở lại, đặt vào cảnh bên trong, nên gọi là An trụ.

4- Thế nào là Cận Trụ? Nghĩa là trước nên như thế, như thế gần gũi niệm trụ. Vì do niệm này, nên thường tác ý nội trụ tâm, không để tâm này trụ xa ở ngoài, nên gọi Cận trụ.

5- Thế nào là Điều thuận? Nghĩa là các tướng khiến tâm tán loạn, là tướng năm trần, ba độc, nam nữ... Nên kia, trước phải giữ các tướng làm tướng lỗi lầm. Do tướng như vậy mà năng lực tăng trưởng ở các tướng kia dẹp tâm, không để chạy rong. Nên gọi là Điều thuận.

6- Thế nào là Tịch tĩnh? Tìm tòi các điều ác, các tùy phiền não tham dục bất thiện..., khiến tâm nhiễu động các thứ dục, nhuế, hại... Nên kia trước phải nghĩ các pháp là lầm lỗi. Do năng lực tăng thượng này mà tâm kia không bị chạy rong. Nên gọi là tịch tĩnh.

7- Thế nào là Tối cực tĩnh? Nghĩa là vì thất niệm, tức là khi hai thứ kia tạm hiện hành, hễ sinh khởi, điều gì điều không nhẫn chịu. Vừa suy nghĩ liền loại bỏ ra, nên gọi là tối cực tĩnh.

8- Thế nào gọi là Chuyên trụ nhất thú? Nghĩa là có gia hạnh, có công dụng, không thiếu, không xen hở Tam-ma-địa, nối tiếp mà trụ, nên gọi là chuyên trụ nhất thú.

9- Thế nào là Đẳng trì? Nghĩa là số tu, số tập, thường tu tập làm nhân duyên. Được hạnh vô già, vô công dụng, nhậm vận chuyển đạo. Nên gọi là Đẳng trì.

Lại như thế được Xa-ma-tha. Lại do bốn thứ tác ý này mới tu tập được Tỳ-bát-xá-na, nên đây cũng là phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là bốn thứ Tỳ-bát-xá-na? Nghĩa là có Tỳ-kheo nương chỉ nội tâm Xa-ma-tha, đối với các pháp Năng Chánh tư trạch, Tối cực tư trạch, Biến khắp tầm tư, Biến khắp từ sát, đó gọi là bốn thứ.

1- Thế nào gọi là Năng chánh tư trạch? Nghĩa là đối với cảnh giới tịnh hạnh đã duyên, hoặc đối với cảnh giới khéo léo đã duyên, hoặc đối

với hạnh lành đã duyên, có thể suy tư chọn lựa chánh đáng các tánh đã có.

2- Thế nào gọi là Tối cực tư trạch? Nghĩa là đối với cảnh giới sở duyên kia, suy tư chọn lựa cùng cực tánh như đã có.

3- Thế nào gọi là Biến khắp tâm tư? Nghĩa là đối với cảnh giới sở duyên kia, do tuệ và hạnh, có phân biệt tác ý, giữ tướng trạng kia, suy nghĩ tìm tòi cùng khắp.

4- Thế nào gọi là Biến khắp từ sát? Nghĩa là đối với cảnh kia, xét nét tìm kiếm cùng khắp.

Cho đến nói rộng, tìm ý của văn này là nói pháp môn chỉ quán của Thanh văn. Nhưng do pháp này thú hưởng đến cảnh Đại thừa. Tức là hành chỉ quán Đại thừa. Nên chín thứ tâm trụ, bốn thứ tuệ hành không khác đã nói ở cảnh Đại thừa.

Kế là trong văn dưới sẽ phân biệt rộng theo lời văn. Tướng Chỉ quán, nghĩa lược như thế.

## **2. Nói rộng:**

Từ câu: Nếu tu... trở xuống

Có hai:

1. Nói về sự sai biệt của tu.
2. Nói rõ song vận.

### **1. Nói về sự sai biệt của tu:**

Lại có:

1. Chỉ.
2. Quán.

### **1. Nói về chỉ:**

Có bốn:

1. Nói về phương pháp tu chỉ.
2. Nói về công năng cao siêu của tu chỉ.
3. Nói rõ việc ma.
4. Chỉ dạy lợi ích.

### **1. Nói về phương pháp tu chỉ:**

1. Nói về người có thể vào.
2. Phân biệt người không thể.

### **1. Nói người có thể vào:**

Nói Trụ chỗ yên tĩnh là nói đủ duyên. Nếu nói đủ, thì phải đủ năm duyên.

Ở chỗ vắng vẻ. Nghĩa là ở rừng núi, nếu trụ trong xóm làng, thì có ồn náo.

Trì giới thanh tịnh, nghĩa là lia nghiệp chướng. nếu người không thanh tịnh, thì phải sám hối.

- Y phục thức ăn đầy đủ.
- Gặp Thiện tri thức.
- Dứt các duyên sự.

Nay lược nêu phần đầu, nên nói chỗ yên tĩnh. Nói ngồi thẳng là nói điều thân. Nói Chánh ý là nói về điều thân điều tâm.

Thế nào là điều thân? Nói cho rõ, trước hết là chỗ ngồi yên, thường khiến cho an ổn, lâu dần không ngăn ngại. Kế là, nên ngồi xếp chân ngay ngắn. Nếu ngồi bán già, thì đặt chân trái lên vế phải, kéo đến gần thân, khiến cho ngón chân trái bằng với bắp vế phải. Nếu muốn kiết già, thì đặt chân phải trên vế trái, kế là chân trái đặt trên vế phải, rồi nối rộng dây áo, để lúc ngồi không bị chật chội. Rồi mới đặt tay, dùng đặt tay trái trên bàn tay phải. Xếp tay đối nhau, đặt trên chân trái kéo sát gần thân, đặt ngay vào giữa.

Kế là chánh thân, trước nên lay động thân cùng các chi phần khoảng bảy tám lần như pháp tự xoa bóp. Chớ để tay chân sai khác. Sửa thân ngay ngắn, để xương vai đối xứng nhau. Chớ khom, chớ ưỡn. Kế là ngay thẳng đầu cổ, mũi và rún thẳng nhau, không xiên, không lệch, không ngửa không cúi. Khuôn mặt ngay ngắn. Nay nói lược chung, nên nói ngồi ngay.

- Thế nào là điều tâm? Người tu hành thời mạt, người nguyện chánh rất ít, người cầu tà thì nhiều. Nghĩa là cầu danh lợi, hiện oai nghi vắng lặng, để luống qua năm tháng thì không do đâu được định. Vì lia cầu tà này, nên nói chánh ý. Ngay đây muốn định tâm được, tương ứng với lý. Tự độ, độ tha đến đạo vô thượng, như thế gọi là chánh ý.

Từ câu: Không nương trở xuống là nói về thứ lớp tu chỉ, trình bày chín thứ tâm trụ.

1- Ban đầu nói không nương hơi thở cho đến Không nương thấy, nghe, hay, biết là nói tâm nội trụ thứ nhất. Nói hơi thở là cảnh sở tức quán. Nói hình sắc là tướng bộ xương... Hư không đất nước... đều là cảnh giới sự định sở duyên. Thấy nghe hay biết là nêu sáu trần do tâm toán loạn chấp. Đối với các trần này tìm tòi phá hoại. Biết chỉ là tự tâm, không còn mượn duyên, nên nói không nương, không nương ngoài trần, tức là nội trụ.

2- Tất cả các tướng theo niệm đều dứt là nói về tâm Đẳng trụ. Trước tuy phá riêng tướng hơi thở... nhưng chỉ mới tu, tâm còn thô động, nên phá trần này, chuyển niệm vào cảnh khác. Kế là đối với tất cả

tướng này, dùng phương tiện nối tiếp, phương tiện lóng trong, hàng phục khiến cho nhỏ nhiệm, theo niệm đều dứt, dứt trừ tướng rong ruổi tức là Đẳng trì.

3- Cũng dứt bỏ tướng là nói tâm an trụ. Trước tuy dứt bỏ tướng rong ruổi bên ngoài, nhưng bên trong vẫn còn tướng năng trừ. Tướng trong không diệt, tướng ngoài lại sinh. Cho nên ở trong không được an trụ, nay lại dẹp tướng năng trừ này, là do trong không còn, thì ngoài có thể quên, ngoài quên mà tĩnh, tức là an trụ.

4- Nói do tất cả pháp xưa nay không tướng niệm niệm chẳng sinh, niệm niệm không diệt là nói tâm cận trụ. Do trước tu tập năng lực niệm trụ, rõ biết tất cả pháp trong ngoài. Xưa nay không có năng tướng khả tướng, suy tìm niệm niệm bất sinh bất diệt, thường tác ý mà không xa lìa. Không xa lìa trụ, tức là cận trụ.

5- Nói cũng không được theo ngoài tâm, nghĩ đến cảnh giới là nói tâm điều thuận thứ năm. Các tướng ngoại trần làm tâm tán loạn. Nương sự tu tập mà An trụ, Cận trụ. Trước biết ngoại trần có các lỗi lầm, liền chấp tướng kia làm tướng lầm lỗi. Do năng lực của tướng này bề dẹp tâm kia không để tán loạn, nên gọi là Điều thuận.

6- Nói Sau dùng tâm trừ tâm là nói về tâm vắng lặng. Các tướng phân biệt khiến tâm phát động. Nương điều thuận trước, cùng biết lỗi lầm, liền vin vào tướng này làm tướng lỗi lầm. Do năng lực của tướng này mà chuyển trừ tâm động. Tâm động không khởi, tức là vắng lặng.

7- Nói nếu tâm rong ruổi tán loạn cho đến niệm niệm không thể được là nói tâm vắng lặng cùng cực. Trong đây có hai.

a- Nói nếu tâm rong ruổi thì nên nhiếp lại cho đến Chỉ có tâm không có cảnh giới bên ngoài là nói thất niệm tạm rong ruổi tán loạn theo ngoại trần, mà do năng lực của niệm có thể không nhả thọ.

b- Nói ngay tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thật có là nói thất niệm còn trong tâm. Mà do năng lực tu nên vừa tìm liền buông. Có thể đối với trong ngoài không chịu buông ra, cho nên gọi là vắng lặng tối cực.

8- Nói nếu sau khi ngồi phải đi tới đi lui cho đến tâm kia thuần thực được trụ là nói về Chuyên trụ một đường. Nghĩa là tâm có gia hạnh, tâm có công dụng. Nên nói thường niệm phương tiện, thuận theo quán sát. Không xen hở, không thiếu sót, định tâm nối tiếp. Nên nói tập lâu thuần thực tâm được trụ, tức là tướng chuyên trụ một đường.

9- Nói do tâm trụ nên dần dần nhậy bén, thuận theo được vào Tam-muội Chân như là nói về tâm Đẳng trì. Do năng lực tu tập thuần

thực ở trước, được tâm vô gia hạnh, vô công dụng, xa lìa chìm nổi, nhậm vận mà trụ. Nên gọi là Đẳng trì.

Tâm Đẳng trì trụ tướng chân như, nên nói Được vào Tam-muội chân như, hàng phục sâu phiền não, tín tâm thêm vững, chóng thành tựu vị bất thối là lược hiển bày lược dụng Tam-muội chân như. Do đây tiến thú vào được ngôi vị chủng tánh bất thối.

Từ trên đến đây đã nói người có thể nhập.

### **2. Phân biệt người không thể nhập:**

Từ câu: Chỉ trừ... trở xuống :

Phương pháp tu chỉ đã xong ở trước.

### **2. Nói về công năng cao quý của tu chỉ:**

Từ câu: Lại nữa,... trở xuống:

Ở đây nói nương chân như Tam-muội ở trước, có thể sinh Tam-muội nhất hạnh... Cái gọi là Tam-muội Nhất hạnh. Như kinh Văn-thù Bát-nhã nói: “Thế nào gọi là Tam-muội Nhất hạnh? Phật nói: Pháp giới nhất tướng, buộc duyên pháp giới, nên gọi là Tam-muội Nhất hạnh, nhập Tam-muội Nhất hạnh là biết hết pháp giới có tướng không khác nhau của hằng sa chư Phật. A-nan nghe Phật pháp, được niệm tổng trì, biện tài trí tuệ. Ở trong Thanh văn tuy là hơn hết, vẫn trụ lượng số, tức có hạn ngại. Nếu được pháp môn Tam-muội Nhất hạnh, các kinh mỗi mỗi phân biệt, thấy đều rõ biết, quyết định không ngại, ngày đêm thường nói, trí tuệ biện tài không hề dứt mất. Nếu so sánh thì biện tài học rộng của ngài A-nan trăm ngàn phần không được một. Cho đến nói rộng. Tam-muội Chân như có thể sinh vô lượng Tam-muội như thế. Nên nói Chân như là căn bản của Tam-muội.

Nói về công năng thù thắng của tu chỉ đã xong.

### **3. Nói về khởi việc ma:**

Từ câu: Hoặc có... trở xuống :

Có hai:

1. Nói tóm tắt.
2. Giải thích rộng.

#### **1. Nói tóm tắt:**

Có hai:

1. Nói ma nhiều loạn.
2. Chỉ dạy đối trị.

#### **1. Nói về ma nhiều loạn:**

Nói Các ma là thiên ma. Quỷ là quỷ đôi dịch. Thần là thần tinh mị. Quỷ mị như thế nhiều loạn Phật pháp, khiến rơi vào tà đạo, nên gọi

là ngoại đạo. Các ma như thế cho đến quỷ thần... đều có thể biến thành ba thứ năm trần, phá tâm lành của người.

Tạo việc đáng sợ, Văn nói: Trong lúc ngồi, hiện hình làm cho sợ hãi.

Tạo việc đáng yêu thích. Văn nói hoặc hiện nam nữ đoan chính.

Việc chẳng trái thuận. Hiện năm trần bình thường, làm loạn động tâm người tu hành, văn nói là Đẳng tướng.

## **2. Chỉ dạy đối trị:**

Từ câu: Dừng niệm... trở xuống là nói về sự đối trị. Nếu suy nghĩ như các trần trước, chỉ do tâm mình phân biệt mà tạo ra. Ngoài tâm mình không có tướng trần riêng khác, nghĩ được như vậy thì cảnh tướng liền diệt, là nói phương pháp dẹp chung các ma quỷ thần.

Nếu nói riêng, mỗi thứ đều có pháp riêng, nghĩa là trị các ma, nên tưng cách đối trị ma của Đại thừa, tưng niệm các chú.

Quỷ Đồi dịch là: Hoặc như trùng rít, bám vào đầu mặt người để châm chích... Hoặc thọc vào nách, hoặc ôm chầm lấy người, hoặc nói năng với âm thanh râm rĩ và tạo các loài thú.

Tướng khác lạ chẳng phải một, đến não hại người tu hành, thì nên nhắm mắt một lòng ghi nhớ nói rằng: “Nay ta đã biết người, người là loài ăn lửa, người hưởng trộm đồ giở chạp ở trong cõi Diêm Phù Đề này thì rất vui vẻ. Người là kẻ phá giới, nay ta trì giới, không hề sợ người.

Nếu người xuất gia, phải tưng giới luật, nếu người tại gia nên tưng giới Bồ-tát, hoặc tưng tam quy, năm giới cấm... thì quỷ liền bỏ đi, bò lét mà ra.

Thần Tinh mị: Nghĩa là loại thần canh mười hai thời, biến hóa các thứ hình sắc, hoặc làm ra tướng nam nữ trẻ tuổi, hoặc làm ra hình tướng người già và các thân đáng sợ... chẳng phải một mà nhiều loại, làm não loạn hành giả, muốn não hại người. Mỗi quỷ đều có giờ của nó, nếu loài hay đến vào giờ Dần thì đó là loại quỷ cọp, tê giác. Loại thường đến giờ Mão, là loài quỷ thỏ, chồn... loài thường đến giờ Sửu, là các loại trâu...

Hành giả thường dụng công vào giờ này, thì biết tinh mị đi tuần, gọi tên quở trách liền tiêu diệt. Những loại này đều như Thiên kinh nói rộng.

Từ trên đến đây là lược nói đối trị việc ma.

## **2. Giải thích rộng:**

Từ câu: Hoặc hiện... trở xuống

Có ba:

1. Hiện rộng sự khác nhau của việc ma.
2. Nói về đối trị, từ câu: Do nghĩa này... trở xuống.
3. Phân biệt chân ngụy. Từ câu: Nên biết ngoại đạo... trở xuống.

**1. Hiện bày rộng sự khác nhau của việc ma:**

Nói về năm cặp, mười việc:

- Hiện hình nói pháp là cặp thứ nhất.
- Được thân thông sinh khởi biện tài là cặp thứ hai.
- Từ câu: Hoặc khiến người... trở xuống cho đến việc danh lợi là khởi hoặc tạo nghiệp, là cặp thứ ba.
- Từ câu: Lại khiến người... trở xuống, cho đến các thứ lôi cuốn ràng buộc là nhập định được thiền là cặp thứ tư.
- Từ câu: Cũng có thể khiến... cho đến khiến người ưa thích là do ăn uống khiến mặt biến đổi, là cặp thứ năm.

Y theo văn sẽ thấy.

**2. Nói về đối trị:**

Hỏi: Như thấy cảnh giới hình tượng Bồ-tát... Hoặc do gốc lành đời trước đã phát, làm sao phân biệt đó là tà hay chánh?

**Giải rằng:** Thật có việc này, chẳng thể không cẩn thận. Vì sao? Vì nếu thấy việc ma làm cho là việc lành, tâm vui vẻ vui theo thì do sự nghiêng lệch này mà bị bệnh phát cuồng. Nếu được cảnh do gốc lành phát sinh mà cho là việc ma, nghi ngờ xa lìa, tức lui sụt điều lợi ích, không hề tiến tới, mà tà chánh này thật khó phân biệt. Nên dùng ba pháp này để xét thì sẽ biết. Những gì là ba?

1. Dùng định dùi mài.
2. Nương gốc tu đối trị.
3. Trí tuệ quán xét.

**Như kinh nói:** Muốn biết vàng thật, thì dùng ba pháp để thử, đó là đốt, đập, mài. Người tu hành cũng vậy, khó phân biệt để biết. Nếu muốn phân biệt, cũng phải thử ba lần.

Nên cùng làm việc chung. Làm việc chung mà không biết thì nên ở chung lâu. Ở chung mà không biết, thì dùng trí tuệ quán xét. Nay mượn ý này để xét tà chánh. Nghĩa là như trong cảnh định, khi tướng phát ra, tà chánh khó rõ. Phải vào sâu tâm định, ở trong cảnh kia, không lấy, không bỏ, chỉ bình đẳng trụ định. Nếu người đã phát gốc lành thì sức định thêm sâu, gốc lành càng phát. Nếu là việc ma, chẳng bao lâu tự hoại.

2- Nương gốc đối trị: Lại như gốc tu thiền quán bất tịnh. Nay nương gốc tu quán bất tịnh. Nếu tu như thế mà cảnh giới càng thêm



sáng, thì không phải nguy. Nếu dùng gốc tu trị mà dần dần hoại diệt thì nên biết là tà.

3- Trí tuệ quán sát: Quán tướng phát ra, suy nghiệm nguồn gốc không thấy chỗ sinh, thâm biết rỗng lặng, tâm không dính mắc, tà sẽ tự diệt, chánh sẽ tự hiện. Như đốt vàng ròng, ánh sáng không đổi. Còn nguy thì không như thế.

Trong đây, Định ví như là mài, Gốc giống như đánh. Trí tuệ quán sát giống như dùng lửa đốt. Do dùng ba cách này thí nghiệm, thì tà chánh sẽ biết rõ.

Hỏi: Nếu ma có khả năng làm cho tâm ta được định, thì định đó chỉ là tà định, làm sao phân biệt được ?

Giải rằng: Chỗ này sâu xa, rất khó biết được. Lại nương vào lời của bậc tiên hiền, lược chỉ ra lối rẽ của tà chánh, nương theo chín loại tâm trụ môn nói ở trước mà thứ lớp tu tập. Khi đến trụ định thứ chín, biết được chi thể rần rần mà động. Khi đang động, liền biết được thân như mây, như bóng, hoặc có, hoặc không, hoặc phát từ trên, hoặc phát từ dưới, hoặc phát từ lưng, nhỏ nhiệm khắp thân. Lúc động xuất phát, công đức vô lượng.

Tóm lại, có mười tướng:

1. Tĩnh định.
2. Rỗng không.
3. Sáng sạch.
4. Hỷ duyệt.
5. Ý lạc.
6. Tâm lành sinh khởi.
7. Thấy biết rõ ràng.
8. Không có các trói buộc.
9. Tâm điều nhu.
10. Cảnh giới hiện tiền.

Mười pháp như thế, sinh chung với động. Nếu phân biệt đủ, thì khó có thể hết. Việc này đã qua, lại còn có ba trí tuệ quán sát khác. Nên siêng năng chánh niệm, không chấp, không dính mắc là hiển bày hai pháp đầu trong ba pháp trước.

Nay trong đây, môn chỉ của Đại thừa, chỉ tu lý định, lại không đường khác. Nên ban đầu nghiên về định, cùng nương gốc tu, lại không có pháp riêng, cho nên nay nói nên nương gốc tu môn chỉ của Đại thừa, chánh niệm mà trụ, không chấp không dính mắc, tà không can dự đến chánh, tự nhiên lui mất.

Nên biết, nếu tâm chấp trước, thì bỏ chánh thành tà. Nếu không dính mắc, thì do tà mà hiển chánh, là biết tà chánh phân biệt cốt ở chấp trước hay không chấp trước, không chấp trước thì không chướng, không lìa. Nên nói Xa lìa các nghiệp chướng này.

### **3. Phân biệt chân ngụy:**

Từ câu: Nên biết ngoại đạo... trở xuống :

Có hai:

- Nêu trong ngoài để phân biệt tà chánh. Trước tà, sau chánh. Y theo văn sẽ hiểu.

- Đối với lý sự để phân biệt chân ngụy. Từ câu: Nếu các... trở xuống :

Trong đây, ban đầu hiển lý định là chân, hành giả phải tu Tam-muội chân như, mới vào trong vị chủng tánh bất thoái. Ngoài ra, không còn đạo nào để nhập. Nên nói không tu tập thì không có việc đó, nhưng giai vị chủng tánh có hai môn:

Mười ba trụ môn, ban đầu là chủng tánh trụ. Chủng tánh trụ có từ vô thủy, không phải tu mà được. Nghĩa xuất xứ từ luận Du-già và Trì Địa.

Sáu chủng tánh môn, trước là Tập chủng tánh, kế là Tánh chủng tánh. Là giai vị ở Tam Hiền. Do nơi tu tập mà thành tựu, xuất xứ từ kinh Bản Nghiệp và kinh Nhân Vương.

Ở đây nói cận kề thì như trong nghĩa nhất đạo đã nói rộng.

Nay nói Như Lai chủng tánh là nói môn thứ hai Tập chủng tánh.

Từ câu: Do tu thế gian... trở xuống là hiển bày sự định không chân thật. Nghĩa là quán bất định, an bang, niệm... đều gọi là các Tam-muội thế gian. Nếu người không nương Tam-muội Chân như mà tu ngay các sự Tam-muội này thì tùy theo cảnh mà nhập, không lìa chấp trước. Chấp trước nhân pháp sẽ chấp ở ngã, nên thuộc về ba cõi, giống với ngoại đạo. Như luận Trí Độ nói: Thật tướng các pháp, còn tất cả đều là việc ma, là nghĩa này.

Từ trên đến đây nói việc ma thứ ba đã xong.

### **4. Nói về lợi ích:**

Từ câu: Lại nữa,... trở xuống:

Lợi ích của đời sau, không thể trình bày đủ. Nên nay lược nêu ra lợi ích hiện tại, nêu chung, hiển bày riêng, y theo văn sẽ thấy.

Nói riêng môn chỉ đã xong.

### **2. Nói về Quán môn:**

Từ câu: Lại nữa... trở xuống :

Có ba:

1. Ban đầu nói về ý tu quán.
2. Nói về pháp tu quán.
3. Tổng kết khuyến tu.

**2. Nói về pháp tu quán:**

Có hai:

1. Sự khác nhau của việc ma.
2. Nói về đối trị.

**1. Sự khác nhau của việc ma:**

Quán pháp tướng: Nghĩa là không xúc chạm thứ lớp mà phát.

Nói xúc khác lược có tám loại:

1. Động. 2- Ngửa. 3- Mát. 4- Nóng.
- 5- Nhẹ. 6- Nặng. 7- Rít. 8- Trơn.

Nhưng tám xúc này, không cần khởi đủ, có khi chỉ phát hai hoặc ba xúc. Khi phát cũng không quyết định có thứ lớp. Nhưng phần nhiều lúc đầu phát động xúc, đây là nương vào thô hiển bày tướng chánh định.

Nói về tướng tà: Tướng tà lược có mười cặp:

1. Thêm bớt. 2- Định loạn. 3- Không hữu. 4- Sáng tối. 5- Lo hỷ.
- 6- Khổ vui. 7- Thiện ác. 8- Ngụ trí. 9- Mở trói. 10- Mạnh yếu.

Thêm bớt: Như khi động phát, hoặc là thân động, tay nhúc nhích, chân cũng động theo. Người ngoài thấy kia ngậy ngậy như ngủ, hoặc như quỳ dựa, thì thân thể tay chân đều lay động. Đây là tướng thêm. Nếu khi động phát, hoặc trên hoặc dưới, chưa đến khắp thân thì liền biến mất. Do đây đều mất tướng của cảnh giới. Lúc ngồi rũ rượi không cách gì giữ thân, đây là tướng bớt.

Định loạn: Lúc động phát, thức tâm và thân bị định trói buộc, không được tự tại. Hoặc lại do đây khiến vào định tà, cho đến bảy ngày. Đây là lỗi của định, nếu khi động phát, tâm ý loạn khởi, duyên cảnh khác, đây là lỗi của loạn.

Không có: Khi xúc phát, đều không thấy thân. Nghĩa là chứng không định, đó là lỗi của không, nếu khi xúc phát khởi, biết thân cứng chắc, giống như cây đá, đó là lỗi của hữu.

Sáng tối: Khi xúc phát khởi, thấy các sắc sáng bên ngoài, cho đến mặt trời, mặt trăng, sao. Đó là lỗi của sáng. Nếu khi xúc phát, thân tâm tối tăm, như vào nhà tối. Đó là lỗi của tối.

Lo mừng: Khi xúc phát khởi, tâm nóng nảy tiêu tụy không vui. Đó là lỗi của lo. Nếu khi xúc phát khởi, tâm rất vui mừng, không thể tự an.

Đó là lỗi hỷ.

Khổ vui: Khi xúc phát khởi, biết chi thể của thân ở chỗ đau nhức. Đó là lỗi của khổ. Nếu khi xúc phát khởi, biết rất vui sướng, tham đắm trói buộc, đó là lỗi của vui.

Thiện ác: Khi xúc phát khởi, nhớ những việc lành bên ngoài, phá hoại Tam-muội. Đó là lỗi của việc lành. Nếu khi xúc phát khởi, sinh ra các tâm ác không hổ, không thẹn... Đó là lỗi của ác.

Ngu trí: Khi xúc phát khởi, tâm thức mê hoặc, không biết rõ ràng. Đó là lỗi của ngu. Khi xúc phát khởi, thấy biết lanh lẹ, tâm sinh liên biết tà, đó là lỗi của trí.

Trói mở: Hoặc có năm cái và các phiền não, che chướng tâm thức. Đó là lỗi của trói. Hoặc nói chứng không đắc quả, sinh tăng thượng mạn. Đó là lỗi của mở.

Cứng mềm: Khi xúc phát khởi, thân cứng mạnh, giống như ngói đá, khó xoay chuyển được. Đó là lỗi của cứng. Nếu khi xúc phát khởi, tâm chí yếu hèn, dễ bị hư hoại, giống như mềm nhũn ướt át, không thể làm đồ gì. Đó là lỗi của mềm.

Hai mươi pháp tà định này, tùy theo chỗ phát khởi, nếu không biết phân biệt, tâm sinh yêu thích. Nhân nơi đây, hoặc là thất tâm, cuồng loạn, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc kinh hãi bỏ chạy, hoặc muốn gieo mình xuống núi, nhảy vào lửa, hoặc có khi bệnh, hoặc do đây mà chết.

Lại nữa, tùy theo có một pháp tà phát ra như thế, hoặc cùng với một pháp quý thân trong chín mươi lăm pháp. Pháp quý thân của ngoại đạo tương ứng mà không biết, liền nghĩ nhớ đến đạo kia, thực hành pháp kia, do đây liền nhập vào pháp môn của quý thân, quý thêm thế lực.

Hoặc phát các tà định và các biện tài, biết điều lành, dữ ở thế gian, thần thông lạ kỳ, hiện ra những việc ít có, làm cảm động mọi người. Người đời không biết, chỉ thấy người lạ, cho là Thánh Hiền, lòng thêm tin phục. Nhưng trong tâm họ chỉ chuyên làm pháp quý. Nên biết người này xa lìa đạo thánh, khi chết đọa vào ba đường ác.

Như kinh Cửu thập lục ngoại đạo có nói rộng, người tu hành nếu biết các tướng tà này, nên dùng pháp trước để xét mà đối trị. Nhưng ở trong đây cũng có đúng sai. Vì sao? Vì nếu là tà định thì hoàn toàn do ma làm, dùng pháp mà trị. Khi ma bỏ đi, thì không còn mảy may pháp thiện. Nếu khi ta được vào chánh định, ma vào trong đó, hiện các tướng tà, dùng pháp trừ, tà ma biến mất, tâm định sáng sạch. Giống như hết mây thì mặt trời hiện.

Nếu các tướng này, tuy giống ma làm, dùng pháp đối trị, vẫn

không bỏ đi. Nên biết là do tội chướng của mình mà phát thì nên siêng năng tu sám hối của Đại thừa, khi tội diệt, định sẽ tự hiện.

Các tướng chướng ngại này sâu kín khó phân biệt. Người muốn cầu đạo chẳng thể không biết.

- Hãy dừng luận trên, trở lại giải thích văn chính.

- Từ trên đến đây là nói rộng sự khác nhau của việc ma.

### **2. Nói về đối trị:**

Từ đây trở xuống

Nói trí tuệ quán sát là nương theo phần giác tuệ của mình có, quán sát các việc ma mà đối trị. Nếu không quán sát thì sẽ rơi vào tà đạo, nên nói chớ để rơi vào lưới tà Đây là như trong ba loại thí nghiệm ở trước. Chính là vô thường, khổ, trôi lăn, bất tịnh, y theo văn sẽ hiểu.

- Từ câu: Như thế nên biết... trở xuống là nói về quán Đại bi.

- Từ câu: Suy nghĩ như thế... trở xuống là nói về quán thế nguyện.

- Từ câu: Do khởi như thế... trở xuống là nói về quán tinh tấn.

Nương bốn môn này, lược bày tu quán.

### **3. Tổng kết khuyên tu:**

Từ câu: Chỉ trừ khi ngồi... trở xuống .

Từ trên đến đây, phần thứ nhất là Phân biệt nói về chỉ quán đã xong

### **2. Hiển bày song vận: (Hợp với Tu)**

Nếu hành... trở xuống.

Có ba:

1. Nêu chung cùng thực hành.
2. Nói riêng về hành tướng.
3. Tổng kết.

### **2. Nói riêng về hành tướng:**

Có hai:

1. Nói thuận theo lý cùng tu chỉ quán.
2. Nói đối với chướng cùng hành chỉ quán.

### **1. Nói thuận theo lý cùng tu chỉ quán:**

Trong phần đầu nói: Tuy nhớ các pháp tự tánh không sinh là nương cửa phi hữu tu chỉ hạnh, mà lại ngay niệm nghiệp quả không mất là nương môn phi vô để tu quán hạnh. Đây là thuận theo thật tế bất động để dựng lập các pháp, nên có thể không xả hạnh chỉ mà tu hạnh quán, bởi pháp tuy chẳng phải có mà chẳng rơi vào không.

Kế là nói: Tuy nghĩ nhớ nghiệp báo thiện ác, mà tánh niệm không

thật có. Đây là thuận theo không hoại giả danh mà nói thật tướng. Nên có thể không bỏ hạnh quán mà nhập môn chỉ. Vì pháp tuy chẳng phải không mà chẳng phải thường có.

**2. Nói đối với chương cùng thực hành chỉ quán:**

Từ câu: Nếu tu... trở xuống:

Nếu tu chỉ lìa hai lỗi:

Dứt chấp trước của phàm phu, dẹp sự chấp trước tướng nhân pháp kia.

Gồm đối trị cái thấy yếu kém của Nhị thừa, thấy có khổ năm ấm đáng sợ.

Nếu tu quán cũng lìa hai lỗi:

Trừ tâm nhỏ hẹp của Nhị thừa, quán khắp chúng sinh khởi đại Bi.

Đối trị tâm ý biếng nhác của phàm phu chẳng quán vô thường, phát sinh biếng nhác.

**3. Tổng kết cùng thực hành:**

Từ câu: Do nghĩa này... trở xuống.

Vì thuận theo lý không nghiêng lệch, cho nên cùng thực hành.

Cùng đối với hai chương, cho nên dẹp cả hai.

Do hai nghĩa này không lìa nhau, nên nói giúp nhau mà thành,...

Hai hạnh chỉ quán thành tựu lẫn nhau, như hai cánh của con chim, giống như hai bánh của xe, nếu hai bánh không có thì không thể chuyên chở. Nếu thiếu một cánh thì làm sao bay được? Nên nói “Chỉ quán không đủ, thì không thể vào đạo Bồ-đề.

(Trong Chương IV. Tín tâm tu hành. Có ba: A1. Nêu người, lược nêu Đại ý

**2. Theo pháp rộng nói về tướng hành.** (hai đoạn này đã xong)

**3. Chỉ dạy cho người tu hành phương tiện bất thoái:**

Từ câu: Lại nữa, chúng sinh... trở xuống :

Có hai:

- Nói người mới học sợ lui sụt.

- Chỉ dạy phương tiện không thoái chuyển.

Trong đây có ba:

Nói Phật có phương tiện thù thắng.

Riêng nêu ra Tu-đa-la nói.

Giải thích ý thú của kinh, từ câu: Nếu quán... trở xuống:

Nếu quán pháp thân rất ráo được sinh... là muốn nói Bồ-tát từ Thập Giải trở lên, có được ít phần thấy chân như pháp thân, cho nên

sẽ được rất ráo vãng sinh. Như trong Tín thành tựu phát tâm ở trên nói Được một chút phần thấy pháp thân, đây là có cái thấy tương tự.

Lại nữa, Bồ-tát Sơ địa trở lên, chứng thấy pháp thân chân như của Phật. Do đó nói rất ráo được sinh. Như kinh Lăng-già, Bồ-tát Long Thọ nói: “Chứng được Hoan hỷ địa, vãng sinh cõi an lạc”.

Trong đây, ý của luận này y theo hạng người trên nói rất ráo sinh, chẳng phải cho là chưa thấy pháp thân không được vãng sinh.

Trụ ở chánh định, luận chung có ba:

- Kiến đạo trở lên mới gọi là chánh định, dựa theo đạo vô lậu làm chánh định.

- Thập Giải trở lên gọi là chánh định, vì trụ vị bất thoái làm chánh định

- Chín phẩm vãng sinh đều gọi là chánh định, nương năng lực thắng duyên được bất thoái, trong đây, chi tiết như bài kệ Liệtu Giản trong kinh Vô Lượng Thọ có nói.

## CHƯƠNG V. KHUYẾN TU

Có sáu:

1. Nói tổng kết thuyết trước.
2. Nêu lợi ích khuyến tu. Câu: Nếu có chúng sinh... trở xuống
3. Tin nhận phước thù thắng. Câu: Nếu có người... trở xuống .
4. Tội nặng của hủy báng. Câu: Có chúng sinh... trở xuống.
5. Dẫn chứng. Câu: Nên biết... trở xuống
6. Tổng Kết khuyến tu. Cho nên... trở xuống

### **2. Nêu lợi ích khuyến tu:**

Vẫn có hai ý:

- Khuyến tu.

- Chỉ bày lợi ích thù thắng. Từ câu: Rất ráo... trở xuống.

Hai câu trong đây, câu đầu chỉ dạy quả thù thắng, câu sau nói về sự thù thắng của người năng tu.

### **3. Tin nhận phước thù thắng:**

Có hai:

- Nói về phước thù thắng của chánh tư duy chừng trong khoảng một bữa ăn.

- Nói về công đức vô biên của sự tu hành một ngày, một đêm.

### **4. Tội nặng của hủy báng:**

Có bốn:

- Nói tội nặng của hủy báng.

- Khuyên bảo. Từ câu: Cho nên... trở xuống.
- Giải thích ý tội nặng. Từ câu: Vì thâm sâu... trở xuống.
- Giải thích ý dứt mất hạt giống Tam bảo. Từ câu: Tất cả Như Lai... trở xuống, văn còn lại rất dễ thấy.

Trong luận có ba phần:

- 1- Phần chánh nói về Tông. 2- Một bài tụng.
- 3- Tổng kết. Trong đây, nửa phần trên là tổng kết năm phần trước, hai câu dưới là hồi hướng sáu đường.

